

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-PT
Ngày: 24/3/2020
V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Công, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/TLPT- DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 41/2019/DSST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2020/QĐ-PT ngày 02/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (có mặt).

2. Anh Nguyễn Quang C, sinh năm 1979 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 322, khu 6, phường Thị C, thành phố BN, tỉnh BN.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1973 (có mặt).

HKTT: Số 322, khu 6, phường Thị C, thành phố BN, tỉnh BN.

Hiện trú tại: Thôn Long L, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc G.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị H trình bày: Bố chị là ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1940, chết năm 2017. Mẹ chị là bà Trịnh Thị H, sinh năm 1946, chết năm 2014. Bố mẹ chị chung sống với nhau từ năm 1971 nhưng hai người không đăng ký kết hôn do bố chị đã có vợ ở quê. Bố mẹ chị sinh được ba người con là Nguyễn Thị H, Nguyễn Anh T và Nguyễn Quang C.

Đến năm 1980, bố chị về quê ở thôn Tứ C, xã Ngũ T, huyện Thuận T, tỉnh BN sinh sống với bà Nguyễn Thị N. Bố chị và bà N có ba người con chung là Bà Nnh, sinh năm 1969; Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1972. Cả ba người con của bố chị và bà N đều đang sinh sống tại Tứ C, Ngũ T, Thuận T, BN.

Khi bố mẹ chị mất đều không để lại di chúc. Di sản do bố mẹ chị để lại là hai thửa đất gồm: Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 06, diện tích 84,9m² tại tổ 36, khu 6, phường Thị C, thành phố BN, tỉnh BN được Ủy ban nhân dân tỉnh BN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) năm 1998 mang tên hộ bà Trịnh Thị H, trên thửa đất có ngôi nhà trần 01 tầng đã làm từ rất lâu hiện nay ngôi nhà này đã hết giá trị sử dụng và thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22, diện tích 100m² tại Cầu Tiềm, Thôn Long L, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc G được cấp GCNQSDĐ năm 2004 mang tên hộ bà Trịnh Thị H, trên thửa đất này có một ngôi nhà cấp 4.

Nay chị khởi kiện đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản do bố mẹ chị để lại. Chị đề nghị Tòa án giao cho anh Cảnh sử dụng thửa đất số 106, tờ bản đồ số 6, diện tích 84,9m² tại khu 6, phường Thị C, thành phố BN và giao cho anh Tuấn sử dụng thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22, diện tích 100m² tại Cầu Tiềm, thôn Long L, xã Bảo Đ, huyện Lục N. Anh Cảnh sẽ có nghĩa vụ trích trả chênh lệch cho chị bằng tiền.

Đồng nguyên đơn là Anh Nguyễn Quang C trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị Nguyễn Thị H về hoàn cảnh gia đình, di sản thừa kế mà bố mẹ anh để lại. Anh đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế cho anh được sử dụng thửa đất số 106, tờ bản đồ số 06, diện tích 84,9m² tại khu 6, phường Thị C, thành phố BN, anh sẽ trích trả giá trị chênh lệch cho chị Hà bằng tiền.

Bị đơn là Anh Nguyễn Anh T trình bày: Anh đồng ý với lời trình bày của chị Hà, anh Cảnh về hoàn cảnh gia đình, thời gian bố mẹ anh chết và di sản của bố mẹ anh để lại. Anh không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của anh Cảnh, chị Hà. Anh xác định thửa đất số 106, tờ bản đồ số 06, diện tích 84,9m² tại tổ 36, khu 6, phường Thị C, thành phố BN, tỉnh BN và thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22, diện tích 100m² tại Cầu Tiềm, Thôn Long L, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc G mẹ anh đã cho

anh trước khi chết và anh là người đã quản lý, sử dụng hai thửa đất này từ nhiều năm nay. Đối với thửa đất số 106, tờ bản đồ 06 tại tổ 36, khu 6, phường Thị C, thành phố BN cũng đã được chia bằng tường ngăn giữa nhà. $\frac{1}{2}$ thửa đất anh để làm nơi thờ cúng bố mẹ, còn $\frac{1}{2}$ thửa đất hiện nay anh Cảnh đang quản lý và toàn quyền sử dụng. Chị Hà là con gái không có quyền yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản mà bố mẹ anh để lại.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 235, 262, 264, 266, 267 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của Chị Nguyễn Thị H và Anh Nguyễn Quang C.

Xác nhận di sản thừa kế của bà Trịnh Thị H để lại gồm: Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 06, diện tích 84,9m² tại tổ 36, khu 6, phường Thị C, thành phố BN, tỉnh BN, trên đất có nhà 1 tầng và thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22, diện tích 100m² tại Cầu Tiêm, Thôn Long L, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc G, trên đất có nhà cấp 4.

Chia cho Chị Nguyễn Thị H và Anh Nguyễn Quang C nhà và đất tại thửa số 106, tờ bản đồ số 06, diện tích 84,9m² tại tổ 36, khu 6, phường Thị C, thành phố BN, tỉnh BN. Tạm giao 7,6m² đất dôi dư theo biên bản thẩm định ngày 21/8/2019 cho chị Hà và anh Cảnh đồng quản lý.

Chia cho Anh Nguyễn Anh T thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22, diện tích 100m² tại Cầu Tiêm, Thôn Long L, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc G, trên đất có nhà cấp 04.

Chị Nguyễn Thị H và Anh Nguyễn Quang C mỗi người có nghĩa vụ trích trả chênh lệch tài sản cho Anh Nguyễn Anh T số tiền 205.319.003đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/11/2019, Anh Nguyễn Anh T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Anh Nguyễn Anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội

đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Anh Nguyễn Anh T nộp trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1946, chết năm 2014, ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1940, chết năm 2017. Ông Thịnh và bà Hiền sinh được ba người con là Nguyễn Thị H, Nguyễn Quang C và Nguyễn Anh T. Bà Hiền không có con riêng và con nuôi. Ông Thịnh có ba người con với bà Nguyễn Thị N là Bà Nnh, Nguyễn Thị H và Nguyễn Ngọc T. Khi chết cả ông Thịnh và bà Hiền đều không để lại di chúc. Bà Hiền và ông Thịnh sinh sống với nhau từ năm 1971 nhưng không lưu giữ hồ sơ đăng ký kết hôn và theo các đương sự trình bày thì bà Hiền và ông Thịnh không có đăng ký kết hôn. Di sản thừa kế là thửa đất số 106, tờ bản đồ số 06, diện tích 84,9m² tại tổ 36, khu 6, phường Thị C, thành phố BN, tỉnh BN được UBND tỉnh BN cấp GCNQSDĐ năm 1998 mang tên hộ bà Trịnh Thị H và thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22, diện tích 100m² tại Cầu Tiềm, thôn Long Lanh, xã Bảo Đài, huyện Lục Nam được cấp GCNQSDĐ năm 2004 mang tên hộ bà Trịnh Thị H. Theo kết quả xác minh trong sổ hộ khẩu của bà Trịnh Thị H tại thời điểm cấp GCNQSDĐ không có tên ông Nguyễn Ngọc T. Quá trình giải quyết vụ án, cả ba người con của ông Thịnh và bà N là chị Lan Anh, chị Hoa, anh Truyền đều từ chối nhận di sản thừa kế của bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn Ngọc T. Do đó, bản án sơ thẩm xác định di sản thừa kế do bà Trịnh Thị H để lại là thửa đất số 106, tờ bản đồ số 06 và thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22 và xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trịnh Thị H là Chị Nguyễn Thị H, Anh Nguyễn Anh T, Anh Nguyễn Quang C và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật là phù hợp.

Về di sản thừa kế của bà Trịnh Thị H, hiện nay anh Tuấn đang quản lý thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22; còn thửa đất số 106, tờ bản đồ 06 do anh Cảnh và anh Tuấn quản lý. Hiện nay anh Tuấn đang sinh sống và có nhà đất ổn định tại Bắc Giang nên bản án sơ thẩm đã xử cho anh Tuấn được sử dụng thửa đất số 72, tờ bản

đồ số 22, diện tích 100m² tại Cầu Tiềm, Thôn Long L, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc G; anh Cảnh, chị Hà được sử dụng thửa đất và tài sản trên thửa đất số 106, tờ bản đồ số 06, diện tích 84,9m² tại tổ 36, khu 6, phường Thị C, thành phố BN, tỉnh BN và trích trả cho anh Tuấn chênh lệch giá trị di sản thừa kế được hưởng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể chị Hà và anh Cảnh được sử dụng thửa đất số 106, tờ bản đồ số 06 tại tổ 36, khu 6, phường Thị C, thành phố BN; còn anh Tuấn được sử dụng thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22 tại thôn Long Lanh, xã Bảo Đài, huyện Lục Nam. Chị Hà và anh Cảnh tự nguyện trích trả anh Tuấn số tiền chênh lệch tài sản là 600.000.000đ, mỗi người 300.000.000đ. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

Về án phí: Các đương sự có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, hiện chị Hà đang bị bệnh hiểm nghèo nên giảm một phần án phí cho các đương sự.

Anh Tuấn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 235, 262, 264, 266, 267 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của Chị Nguyễn Thị H và Anh Nguyễn Quang C.

1. Xác nhận di sản thừa kế của bà Trịnh Thị H để lại gồm: Thửa đất số 106, tờ bản đồ số 06, diện tích 84,9m² tại tổ 36, khu 6, phường Thị C, thành phố BN, tỉnh BN, trên đất có nhà 1 tầng và thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22, diện tích 100m² tại Cầu Tiềm, Thôn Long L, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc G, trên đất có nhà cấp 4.

2. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Trịnh Thị H là Chị Nguyễn Thị H, Anh Nguyễn Anh T, Anh Nguyễn Quang C.

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chia cho Chị Nguyễn Thị H và Anh Nguyễn Quang C nhà và đất tại thửa số 106, tờ bản đồ số 06, diện tích 84,9m² tại tổ 36, khu 6, phường Thị C, thành phố BN, tỉnh BN. Tạm giao 7,6m² đất dôi dư theo biên bản thẩm định ngày 21/8/2019 cho chị Hà và anh Cảnh đồng quản lý.

Chia cho Anh Nguyễn Anh T thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22, diện tích 100m² tại Cầu Tiềm, Thôn Long L, xã Bảo Đ, huyện Lục N, tỉnh Bắc G, trên đất có nhà cấp 04.

Chị Nguyễn Thị H và Anh Nguyễn Quang C, mỗi người có nghĩa vụ trích trả chênh lệch tài sản cho Anh Nguyễn Anh T 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh sang tên và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị H, Anh Nguyễn Anh T và Anh Nguyễn Quang C mỗi người phải chịu 5.000.000đ. Xác nhận chị Hà và anh Cảnh đã nộp số tiền 15.000.000đ. Anh Nguyễn Anh T có trách nhiệm trả cho chị Hà 2.500.000đ và anh Cảnh 2.500.000đ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Giảm ½ án phí cho Chị Nguyễn Thị H, Anh Nguyễn Anh T và Anh Nguyễn Quang C. Chị Hà và anh Cảnh mỗi người phải chịu 26.250.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Tuấn phải chịu 30.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Tuấn đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002215 ngày 04/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BN.

Xác nhận Chị Nguyễn Thị H đã nộp 5.833.000đ, Anh Nguyễn Quang C đã nộp 5.833.000đ tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001646 và 0001647 ngày 21/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BN.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Bình Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Văn Tính

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TAND thành phố BN;
- Chi cục THADS thành phố BN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tính

